

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Y học; Chuyên ngành: Dịch tễ học

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: PHAN TRỌNG LÂN .

2. Ngày tháng năm sinh: 01/08/1970.....; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh.....; Tôn giáo: Không.....

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): xã Phú Mậu, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên-Huế

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): Căn 102, nhà A, 23B Hàng Tre, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bru điện): 167 đường Pasteur, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại nhà riêng:; Điện thoại di động: 0913002797; E-mail:

phantronglan@gmail.com

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng 7/1999 đến tháng 2/2005 : Cán bộ Vụ Y tế dự phòng (nay là Cục Y tế dự phòng), Bộ Y tế

Từ tháng 2/2005 đến tháng 6/2009: Phó trưởng phòng Kiểm soát bệnh truyền nhiễm, Cục Y tế dự phòng, Bộ Y tế

Từ tháng 7/2009 đến tháng 04/2010: Trưởng phòng Kiểm soát bệnh truyền nhiễm-Cục Y tế dự phòng, Bộ Y tế

Từ tháng 5/2010-2013: Trưởng ban Quản lý Chương trình đào tạo dịch tễ học thực địa của Việt Nam

Từ tháng 5/2010 đến 5/2013: Phó cục trưởng Cục Y tế dự phòng-Bộ Y tế

Từ tháng 4/2016: Chủ nhiệm bộ môn Dịch tễ học, Viện Pasteur TP. Hồ Chí Minh

Từ tháng 6/2013 đến nay: Viện trưởng Viện Pasteur TP. Hồ Chí Minh

Chức vụ hiện nay: Viện trưởng.....; Chức vụ cao nhất đã qua: Viện trưởng

Cơ quan công tác hiện nay: Viện Pasteur TP. Hồ Chí Minh.

Địa chỉ cơ quan: 167 đường Pasteur, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại cơ quan:.....

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Viện Pasteur TP. Hồ Chí Minh, Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương, Đại học Y dược TP. Hồ Chí Minh

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Viện Pasteur TP. Hồ Chí Minh, Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương, Đại học Y dược TP. Hồ Chí Minh

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 23 tháng 06 năm 1995, ngành: Y học, chuyên ngành: Dịch tễ học

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Viện hàn lâm y học Saint-Peterburg mang tên Mechnikov, liên bang Nga

- Được cấp bằng ThS ngày.....tháng.....năm....., ngành:....., chuyên ngành:

Nơi cấp bằng ThS (trường, nước):

- Được cấp bằng TS ngày 07 tháng 05 năm 1999, ngành: Y học, chuyên ngành: Dịch tễ học và Truyền nhiễm

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Viện hàn lâm y học Saint-Peterburg mang tên Mechnikov, liên bang Nga

- Được cấp bằng TSKH ngày.....tháng.....năm....., ngành:....., chuyên ngành:

Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày 10 tháng 11 năm 2011, ngành: Y học.

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư tại HĐGS cơ sở: Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Y học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- ✓ Nghiên cứu hệ thống giám sát, cảnh báo sớm bệnh tật;
- ✓ Nghiên cứu dự phòng và kiểm soát bệnh tật, đặc biệt bệnh viêm gan, bệnh sốt xuất huyết, tay chân miệng, cúm, HIV/AIDS, COVID-19, bệnh mới nổi.... và các bệnh không lây nhiễm.
- ✓ Nghiên cứu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực y tế dự phòng, dịch tễ học thực địa.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 9 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) 8 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS (ứng viên chức danh GS không cần kê khai);
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng 8 đề tài, trong đó 06 đề tài cấp Bộ/tỉnh, thành phố; 02 đề tài cấp cơ sở;
- Đã công bố (số lượng) 240 bài báo KH, trong đó 25 bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 48, trong đó 35 thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu): Huân chương lao động hạng Ba (2014); giải thưởng Đặng Văn Ngữ (2016).

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không.....

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Tôi tự nhận thấy có phẩm chất đạo đức tốt, đã được đào tạo đạt trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao, có đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp, có lý lịch rõ ràng.

Sau khi đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư, tôi liên tục tham gia giảng dạy, hướng dẫn sau đại học tại Viện Pasteur TP. Hồ Chí Minh, Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương, Trường Đại học Y dược TP. Hồ Chí Minh. Tôi tham gia biên soạn các tài liệu giảng dạy, viết các sách phục vụ đào tạo trình độ đại học và sau đại học và hướng dẫn chuyên đề trình độ sau đại học. Các lĩnh vực nghiên cứu và giảng dạy của tôi về hệ thống giám sát, cảnh báo sớm bệnh tật; dự phòng và kiểm soát bệnh tật, đặc biệt bệnh viêm gan, bệnh sốt xuất huyết, tay chân miệng, cúm, HIV/AIDS, COVID-19, bệnh mới nổi và các bệnh

không lây nhiễm; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực y tế dự phòng, dịch tễ học thực địa.

Với cương vị là Trưởng ban quản lý Chương trình đào tạo dịch tễ học thực địa, đã tham mưu ban hành giáo trình về lĩnh vực này và đã đào tạo, hướng dẫn nhiều học viên tốt nghiệp các khóa dài hạn, ngắn hạn về dịch tễ học thực địa. Về công tác đào tạo trình độ tiến sỹ, tôi đã chủ trì xây dựng đề án và xây dựng chương trình đào tạo trình độ tiến sỹ chuyên ngành Dịch tễ học của Viện Pasteur TP. Hồ Chí Minh được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép tại Quyết định số 2391/QĐ-BGDĐT ngày 8 tháng 7 năm 2015. Tôi trực tiếp tham gia hướng dẫn cho 13 nghiên cứu sinh, trong đó đã hướng dẫn chính cho 5 nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án và hướng dẫn phụ thành công cho 4 NCS. Tôi còn tham gia công tác đào tạo trình độ thạc sỹ và đã hướng dẫn chính thành công cho 08 học viên cao học. Tôi luôn chủ động, phối hợp với các đồng nghiệp triển khai các đề tài nghiên cứu khoa học và ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học vào trong thực tiễn. Tôi luôn luôn trung thực, không ngừng học tập, rèn luyện để nâng cao phẩm chất đạo đức, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, có tinh thần hợp tác với đồng nghiệp và khách quan trong công tác giáo dục, đào tạo và nghiên cứu khoa học, công nghệ. Tôi đã công bố được:

+ **240** bài báo, bao gồm **204** bài báo quốc gia và **36** bài báo khoa học quốc tế (trong đó **06** bài báo tác giả đứng đầu);

+ Đã xuất bản **48** sách, trong đó có 5 sách chuyên khảo (01 chủ biên) và **20** giáo trình (02 sách chủ biên), **23** sách tham khảo, sách hướng dẫn (4 chủ biên);

Trong khi thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, tôi tuân thủ các Quy định của pháp luật, Quy chế đào tạo và Điều lệ của cơ sở đào tạo. Đối chiếu theo quy định của Luật Giáo dục, tôi tự thấy mình đã hoàn thành nhiệm vụ và tiêu chuẩn của Nhà giáo.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên (*):

- Tổng số 17 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2014-2015	3	1				60	60/236,5/160
2	2015-2016	3					60	60/226,5/135
3	2016-2017	3					30	30/287,1/135
3 năm học cuối								
4	2017-2018	3+1		1			30	30/261,6/135
5	2018-2019	2+1					60	60/271,1/135
6	2019-2020	2+1					12	12/111,1/135

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Nga văn

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước: Liên bang Nga.....; Từ năm 1989 đến năm 1995

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; tại nước: Liên bang Nga năm 1995-1999

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ:số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Chứng chỉ trình độ C

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BS NT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/ CK2/ BSNT	Chính	Phụ			
1.	Hoàng Đức Hạnh	x			x	2008-2010	Viện VSDTTW	2/12/2010
2.	Nguyễn Thị Phương Liên	x			x	2008-2012	Viện VSDTTW	18/10/2012
3.	Nguyễn Văn Định	x			x	2010-2014	Viện VSDTTW	4/6/2015
4.	Đặng Thị Thanh Huyền	x		x		2010-2014	Viện VSDTTW	18/3/2016
5.	Trần Anh Dũng	x			x	1/2013- 3/2015	Queensland	2015
6.	Vũ Ngọc Long	x		x		2011-2018	Viện VSDTTW	28/3/2018

7.	Nguyễn Xuân Tùng	x		x		2013-2016	Viện VSDTTW	22/1/2016
8.	Nguyễn Đức Huệ	x		x		2014-2018	Viện VSDTTW	28/3/2018
9.	Nguyễn Thị Như Tú	x		x		2016-2019	Viện VSDTTW	15/10/2019

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Trước khi đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư							
1.	Dịch tễ, lâm sàng, điều trị và phòng chống bệnh viêm đường hô hấp cấp (SARS)	CK	Y học 2003	12			Viện VSDTTW (BB họp 30/6/2009 theo QĐ 252/QĐ-VSDTTW ngày 19/6/2009)
2.	Bệnh viêm gan do vi rút	CK	Y học 2006	5			Viện VSDTTW (BB họp 29/6/2009 theo QĐ 251/QĐ-VSDTTW ngày 19/6/2009)
3.	Bệnh viêm não Nhật Bản	CK	Hà Nội 2010	5			Viện VSDTTW (BB họp 9/6/2009 theo QĐ 164/QĐ-VSDTTW ngày 10/5/2010)
4.	Dịch tễ học thực địa	GT	Y học 2004	9			Viện VSDTTW (BB họp 29/6/2009 theo QĐ 251/QĐ-VSDTTW ngày 19/6/2009)
5.	Phòng chống dịch cúm A(H5N1) lây sang người	GT	Y học 2006	10			
6.	Cẩm nang phòng chống các bệnh truyền nhiễm	GT	Hà Nội 2009	33			

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
7.	Khái niệm và nguyên tắc giám sát, kiểm soát bệnh truyền nhiễm	GT	Y học 2009	15			
8.	Giám sát và kiểm soát một số bệnh truyền nhiễm đặc biệt nguy hiểm (nhóm A)	GT	Y học 2009	17			
9.	Giám sát và kiểm soát một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm (nhóm B)	GT	Y học 2009	17			
10.	Dịch tễ học thực địa	GT	Hà Nội 2010	18	Đồng chủ biên		1. Bộ Y tế (Giấy chứng nhận số 516/GCN-BYT ngày 21/6/2011) 2. Viện VSDTTW (BB họp 23/6/2011 theo QĐ 504/QĐ-VSDTTW ngày 20/6/2011) 3. Viện Pasteur TP. HCM (BB họp 26/6/2020 theo QĐ 413/QĐ-VSDTTW ngày 24/6/2020)
11.	Dịch tễ học	GT	Giáo dục Việt Nam 2010	3			Bộ Y tế (Giấy chứng nhận số 491/GCN-BYT ngày 15/6/2011)
12.	Kiểm soát các bệnh thường gặp trong gia đình & cộng đồng (các bệnh truyền nhiễm lây qua đường tiêu hóa)	GT	Hà Nội 2010	10			Viện VSDTTW (BB họp 18/7/2012 theo QĐ 636/QĐ-VSDTTW ngày 3/7/2012)

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
13.	Kiểm soát các bệnh thường gặp trong gia đình & cộng đồng (các bệnh truyền nhiễm lây qua đường hô hấp, đường máu, đường da và niêm mạc)	GT	Hà Nội 2010	10			
14.	Y học dự phòng & y tế công cộng: thực trạng & định hướng ở Việt Nam	TK	Y học 2011	43			Viện VSDTTW (BB họp 22/6/2011 theo QĐ 502/QĐ-VSDTTW ngày 17/6/2011)
15.	Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị cúm A(H5N1)	HD	Y học 2007	41			Viện VSDTTW (BB họp 29/6/2009 theo QĐ 251/QĐ-VSDTTW ngày 19/6/2009)
16.	Cẩm nang triển khai công tác phòng chống bệnh tả	HD	Y học 2007	16			Viện VSDTTW (BB họp 29/6/2009 theo QĐ 251/QĐ-VSDTTW ngày 19/6/2009)
17.	Một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm thường gặp và cách phòng chống	HD	Hà Nội 2009 GPXB 270-2009/CX B/32/04-14/VHTT	7			Viện VSDTTW (BB họp 24/6/2009 theo QĐ 714/QĐ-VSDTTW ngày 17/6/2020)
18.	Bệnh truyền nhiễm và các biện pháp đáp ứng phòng chống dịch	HD	Hà Nội 2010	6			Viện VSDTTW (BB họp 18/7/2012 theo QĐ 671/QĐ-VSDTTW ngày 17/7/2012)

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
19.	Hướng dẫn thực hành diễn tập sẵn sàng phòng chống đại dịch cúm ở người	HD	Hà Nội 2010	8			Viện VSDTTW (BB họp 18/7/2012 theo QĐ 671/QĐ-VSDTTW ngày 17/7/2012)
20.	Kỹ năng truyền thông giáo dục sức khỏe phòng chống bệnh truyền nhiễm	HD	Hà Nội 2010	6			Viện VSDTTW (BB họp 18/7/2012 theo QĐ 671/QĐ-VSDTTW ngày 17/7/2012)
21.	Thực hành đảm bảo an toàn sinh học trong công tác phòng chống bệnh cúm A&bệnh tả	HD	Y học 2011	14			Viện VSDTTW (BB họp 18/7/2012 theo QĐ 636/QĐ-VSDTTW ngày 3/7/2012)
Sau khi đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư							
22.	Bệnh tả và các biện pháp phòng chống	CK	Y học 2013	3			Viện VSDTTW (BB họp 25/6/2013 theo QĐ 745/QĐ-VSDTTW ngày 18/6/2013)
23.	Giám sát và kiểm soát viêm gan virus	CK	Y học 2017	3	Chủ biên		Viện VSDTTW (BB họp 24/6/2009 theo QĐ 714/QĐ-VSDTTW ngày 17/6/2020)
24.	Kỹ thuật y tế trường học (chương trình đào tạo nâng cao cho cán bộ y tế trường học)	GT	Y học 2012	18			Viện VSDTTW (BB họp 18/7/2012 theo QĐ 669/QĐ-VSDTTW ngày 17/7/2012)
25.	Y tế trường học (sách dùng cho cán bộ y tế trường học)	GT	Hà Nội 2012	11			Viện VSDTTW (BB họp 25/6/2013 theo QĐ 683/QĐ-VSDTTW ngày 10/6/2013)

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
26.	Thống kê cơ bản trong y sinh học (đào tạo chuyên khoa I dịch tễ học thực địa)	GT	Y học 2012	5			Viện VSDTTW (BB họp 18/7/2012 theo QĐ 669/QĐ-VSDTTW ngày 17/7/2012)
27.	Thực hành dịch tễ học thực địa (đào tạo chuyên khoa I dịch tễ học thực địa)	GT	Y học 2012	7			Viện VSDTTW (BB họp 18/7/2012 theo QĐ 669/QĐ-VSDTTW ngày 17/7/2012)
28.	Kỹ thuật xét nghiệm vệ sinh an toàn thực phẩm (đào tạo kỹ thuật viên xét nghiệm vi sinh nâng cao)	GT	Y học 2012	16			Viện VSDTTW (BB họp 18/7/2012 theo QĐ 669/QĐ-VSDTTW ngày 17/7/2012)
29.	Dịch tễ học (giáo trình giảng dạy sau đại học)	GT	Y học 2013	9			Viện VSDTTW (BB họp 25/6/2013 theo QĐ 747/QĐ-VSDTTW ngày 18/6/2013)
30.	Truyền thông nguy cơ phòng chống bệnh truyền nhiễm nguy hiểm và mới nổi (tài liệu đào tạo dành cho học viên tuyến cơ sở)	GT	Thông tấn 2014	16			Viện VSDTTW (BB họp 5/1/2017 theo QĐ 2023/QĐ-VSDTTW ngày 30/12/2016)
31.	Truyền thông nguy cơ phòng chống bệnh truyền nhiễm nguy hiểm và mới nổi (tài liệu đào tạo dành cho học viên tuyến Trung ương và tuyến tỉnh)	GT	Thông tấn 2014	16			Viện VSDTTW (BB họp 5/1/2017 theo QĐ 2023/QĐ-VSDTTW ngày 30/12/2016)
32.	Giáo trình an toàn sinh học phòng xét nghiệm	GT	Y học 2017	14	Chủ biên		Viện VSDTTW (Giấy chứng nhận số 11/GCN-SĐH ngày 24/6/2020)

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
33.	Thực hành lâm sàng tốt trong thử nghiệm lâm sàng	GT	Y học 2020	15			1. Viện VSDTTW (Giấy chứng nhận số 15/GCN-SĐH ngày 24/6/2020) 2. Viện Pasteur TP. HCM (Giấy chứng nhận số 42/XN-PAS ngày 26/6/2020)
34.	Kỹ thuật xét nghiệm vệ sinh an toàn thực phẩm (đào tạo kỹ thuật viên xét nghiệm vi sinh cơ bản)	TK	Y học 2012	16			Viện VSDTTW (BB họp 18/7/2012 theo QĐ 669/QĐ-VSDTTW ngày 17/7/2012)
35.	Y tế trường học (sách dùng cho cán bộ y tế tại cơ sở)	TK	Hà Nội 2012	12			Viện VSDTTW (BB họp 25/6/2013 theo QĐ 683/QĐ-VSDTTW ngày 10/6/2013)
36.	Trường học nâng cao sức khỏe	TK	Hà Nội 2012	11			Viện VSDTTW (BB họp 25/6/2013 theo QĐ 683/QĐ-VSDTTW ngày 10/6/2013)
37.	Kỹ thuật y tế trường học (chương trình đào tạo cơ bản cho cán bộ y tế trường học)	TK	Y học 2012	11			Viện VSDTTW (BB họp 18/7/2012 theo QĐ 669/QĐ-VSDTTW ngày 17/7/2012)
38.	Tài liệu định nghĩa trường hợp bệnh truyền nhiễm	TK	Thanh niên 2017	29			Viện VSDTTW (Giấy chứng nhận số 04/GCN-SĐH ngày 24/6/2020)
39.	Cầm nang phòng, chống bệnh sốt xuất huyết Dengue tại cộng đồng	TK	Hà Nội 2018	21			Viện VSDTTW (Giấy chứng nhận số 06/GCN-SĐH ngày 24/6/2020)

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
40.	An toàn tiêm chủng vắc xin cúm	HD	Y học 2013	13			Viện VSDTTW (BB hợp 25/6/2013 theo QĐ 428/QĐ-VSDTTW ngày 26/4/2013)
41.	Quy trình xét nghiệm sinh hóa – huyết học y học và các xét nghiệm chuẩn đoán khác	HD	Y học 2013	16	Đồng chủ biên (3)		Viện VSDTTW (BB hợp 25/6/2013 theo QĐ 683/QĐ-VSDTTW ngày 10/6/2013)
42.	Hướng dẫn đạt chuẩn quốc gia trung tâm y tế dự phòng tỉnh/thành phố	HD	Y học 2013	26			Viện VSDTTW (Giấy chứng nhận số 03/GCN-SĐH ngày 24/6/2020)
43.	Truyền thông nguy cơ phòng chống bệnh truyền nhiễm nguy hiểm và mới nổi (tài liệu đào tạo dành cho giảng viên tuyến Trung ương)	HD	Thông tấn 2014	16			Viện VSDTTW (BB hợp 5/1/2017 theo QĐ 2023/QĐ-VSDTTW ngày 30/12/2016)
44.	Truyền thông nguy cơ phòng chống bệnh truyền nhiễm nguy hiểm và mới nổi (tài liệu đào tạo dành cho giảng viên tuyến tỉnh, huyện)	HD	Thông tấn 2014	16			Viện VSDTTW (BB hợp 5/1/2017 theo QĐ 2023/QĐ-VSDTTW ngày 30/12/2016)
45.	Tài liệu Hướng dẫn giám sát và phòng chống một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm lây truyền qua đường hô hấp	HD	Hồng Đức 2015	12			Viện VSDTTW (Giấy chứng nhận số 07/GCN-SĐH ngày 24/6/2020)

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
46.	Quy trình xét nghiệm chuyên sâu một số vi sinh vật gây bệnh	HD	Y học 2016	28	Chủ biên		Viện VSDTTW (Giấy chứng nhận số 01/GCN-SĐH ngày 24/6/2020)
47.	Quy trình xét nghiệm chuyên sâu an toàn thực phẩm	HD	Y học 2016	11	Chủ biên		Viện VSDTTW (Giấy chứng nhận số 02/GCN-SĐH ngày 24/6/2020)
48.	Giáo trình an toàn tiêm chủng	HD	Y học 2017	17	Chủ biên		Viện VSDTTW (Giấy chứng nhận số 12/GCN-SĐH ngày 24/6/2020)

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản sau PGS: 02 quyển

Quyển số 22: Bệnh tả và các biện pháp phòng chống – Nhà xuất bản Y học năm 2013

Quyển số 23: Giám sát và kiểm soát viêm gan virus - Nhà xuất bản Y học năm 2017

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

- **Các chữ viết tắt:** CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
Trước khi được công nhận chức danh Phó giáo sư					
1.	Nghiên cứu một số đặc điểm dịch tễ học các trường hợp bệnh cúm A(H5N1) tại Việt Nam từ năm 2003 đến năm 2005 và đề xuất các biện pháp phòng chống dịch phù hợp	TG	Cấp Bộ	2005-2006	20/01/2009/ Mức B
2.	Nghiên cứu xây dựng tiêu chuẩn thiết kế, thiết kế mẫu, danh mục trang thiết bị trung tâm y tế dự phòng tuyến huyện (quận, huyện, thành phố)	TG	Cấp Bộ	6/2007- 6/2008	06/11/2009/ Mức B
3.	Nghiên cứu sự đột biến gen liên quan đến tính kháng hóa chất diệt côn trùng của <i>Ae.aegypti</i> ở Việt Nam	TG	Cấp Bộ	7/2007- 1/2010	24/3/2010/ Mức A
4.	Xây dựng phần mềm giám sát bệnh truyền nhiễm (GS BTN) tuyến xã	CN	Cấp cơ sở	1/2011- 4/2011	27/5/2011/ Xuất sắc
5.	Đánh giá hiệu quả các khóa đào tạo dịch tễ học thực địa ngắn hạn về kiến thức, kỹ năng thực hành đối với cán bộ y học dự phòng	CN	Cấp cơ sở	1/2009- 4/2011	27/5/2011/ Xuất sắc
Sau khi được công nhận chức danh Phó giáo sư					
6.	Nghiên cứu đặc điểm dịch tễ học và vi rút học bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng vi rút corona mới 2019 (Covid-19) tại Việt Nam.	CN	Nhà nước	2/2020- 1/2021	Đang thực hiện

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
7.	Nghiên cứu biện pháp diệt loăng quăng phát triển thành muỗi truyền bệnh sốt xuất huyết trong hệ thống hồ ga thoát nước tại Tp.Vũng Tàu	CN	Cấp tỉnh/thành phố	9/2017-5/2019	23/5/2019/ Đạt
8.	Chế tạo và thẩm định chứng dương nhân tạo và đoạn môi chẩn đoán tác nhân gây viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của vi rút corona	CN	Cấp tỉnh/thành phố	3/2020-6/2020	11/6/2020/ Xuất sắc
9.	Xây dựng mô hình can thiệp dự phòng, sàng lọc kiểm soát ung thư cổ tử cung của phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ (15-49 tuổi) dựa vào y tế xã tỉnh Bình Định	TG	Cấp tỉnh/thành phố	9/2017-3/2019	12/4/2019/ Xuất sắc

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;

- **Các chữ viết tắt:** CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, Số, trang	Năm công bố
Trước khi được công nhận chức danh Phó giáo sư								
1.	Клинико-эпидемиологическая характеристика безмаркерных вирусных гепатитов	5	x	Всероссийская научно-практическая конференция «Проблемы санитарно-эпидемиологического благополучия населения северо-западного и других регионов российской федерации», Санкт-Петербург, 9-11/12/1997			стр. 109-110	1997
2.	Вирусный гепатит G – Новая проблема в гепатологии	2	x	Всероссийская научно-практическая конференция с международным участием «Медико-биологическое и экологогигиенические проблемы			стр. 210-211	1998

				оценки и прогнозирования воздействия факторов окружающей среды», Санкт-Петербург, 3-5/11/1998				
3.	Гепатита неустановленной этиологии в Санкт-Петербурге	4	х	Научная конференция с международным участием «Вирусные инфекции на пороге XX века: эпидемиология и профилактика», Санкт-Петербург, 21-22/4/1999			стр. 102-103	1999
4.	Клинико-лабораторная характеристика гепатита С у внутривенных наркоманов с учетом особенностей психологического статуса	2		Российско-Итальянский симпозиум «Вирусные гепатиты: решенные и нерешенные проблемы», Санкт-Петербург, 29/9/2000			стр. 30-31	2000
5.	Принципы лечения больных хроническими вирусными гепатитами (этапность, индивидуальность, комплексность)	6		Вестник Санкт-Петербургской государственной медицинской академии			1-2(3), стр. 177-180	2002

				им. И.И. Мечникова				
6.	Nghiên cứu các trường hợp tử vong do sốt xuất huyết tại Việt Nam năm 2007	3	x	Tạp chí Y học dự phòng/0868-2836			XIX/3(102), tr. 7-11	2009
7.	Đánh giá kiến thức, thái độ và thực hành của người dân tỉnh Đồng Tháp về phòng bệnh cúm gia cầm và cúm A/H5N1	3	x	Tạp chí Y học dự phòng			XIX/4(103), tr. 21-26	2009
8.	Kiến thức, thái độ và thực hành dự phòng bệnh cúm gia cầm và cúm A/H5N1 của người dân 3 xã Thái Bình	3	x	Tạp chí Y học dự phòng			XIX/6(105), tr. 71-78	2009
9.	Tình hình thực hiện giám sát, quản lý và tổ chức triển khai các hoạt động phòng chống bệnh dịch của trung tâm y tế huyện	4	x	Tạp chí Y học thực hành			6(666), tr. 62-64	2009
10.	Một số đặc điểm dịch tễ học và lâm sàng của các chùm ca bệnh cúm A(H1N1) đầu tiên tại Việt Nam	2		Tạp chí Y học dự phòng			XIX/7(106), tr. 116-123	2009
11.	Hoạt động giám sát và xử lý một số chùm ca bệnh cúm A (H5N1) từ 2003-2009 tại miền Bắc Việt Nam	3		Tạp chí Y học dự phòng			XIX/7(106), tr. 124-131	2009
12.	Hiệu quả của chương trình sử dụng bao cao su đối với kiến thức, hành vi và tỷ lệ mắc các bệnh lây truyền qua đường tình dục ở nhóm gái bán dâm tại Hà Đông và Sơn Tây, 2007-2008	3		Tạp chí Y học dự phòng			XIX/7(106), tr. 42-52	2009
13.	Hiệu quả của chương trình sử dụng bao cao su	3		Tạp chí Y học dự phòng			XIX/7(106),	2009

	đối với kiến thức, hành vi lây nhiễm HIV/AIDS trong nhóm gái bán dâm tại Hà Đông và Sơn Tây, 2007-2008						tr. 32-41	
14.	Đánh giá độ nhạy cảm với hóa chất diệt côn trùng của muỗi <i>Aedes Aegypti</i> ở một số tỉnh miền Trung và Tây Nguyên, 2007-2008	6		Tạp chí Y học dự phòng			XIX/7(106), tr. 102-108	2009
15.	Kiến thức, thái độ, hành vi nguy cơ lây nhiễm HIV trong nhóm phụ nữ bán dâm tại một số huyện của tỉnh Vĩnh Long năm 2007	7		Tạp chí Y học dự phòng			XIX/7(106), tr. 53-61.	2009
16.	Khảo sát đột biến gen kháng hóa chất diệt côn trùng KDR-VAL1016GLY ở một số quần thể muỗi <i>Aedes Aegypti</i> bằng kỹ thuật Holo	8		Tạp chí Y học dự phòng			XIX/7(106), tr. 109-115	2009
17.	Một số kết quả đánh giá kiến thức về phòng chống bệnh truyền nhiễm của cán bộ tại 60 trung tâm y tế huyện	4		Tạp chí Y học thực hành/1859-1663			6(665), tr. 96-98	2009
18.	Особенности клеточного звена иммунитета и цитокинового профиля у больных хроническим лимфолейкозом на фоне терапии Ферровиром	5		Эффективная Фармакотерапия в онкологии, гематологии и радиологии			3, стр. 30-34	2009
19.	Đáp ứng phòng chống dịch của hệ thống giám sát bệnh truyền nhiễm tại Việt Nam, 2009	4	x	Tạp chí Y học dự phòng			XX/6(14), tr. 245 - 253	2010

20.	Đánh giá kết quả đào tạo ngắn hạn về dịch tễ học thực địa tại Việt Nam, 01/2009-10/2010	2	x	Tạp chí Y học dự phòng			XX/9(17), tr. 7-13	2010
21.	So sánh kết quả phát hiện vi sinh vật trong không khí giữa phương pháp đặt đĩa thạch và sử dụng máy hút mẫu không khí	4		Tạp chí Y học dự phòng			XX/5(13), tr. 106-110	2010
22.	Điều kiện lao động và cảnh báo sớm các yếu tố nguy cơ về an toàn vệ sinh lao động tại một số cơ sở sản xuất cơ khí vừa và nhỏ	4		Tạp chí Y học dự phòng			XX/6(14), tr. 254 - 263	2010
23.	Thực trạng hệ thống giám sát bệnh truyền nhiễm tuyến tỉnh, huyện và xã tại 8 tỉnh năm 2008-2009	4		Tạp chí Y học dự phòng			XX/8(16), tr. 30-41	2010
24.	Điều tra thực hành tiêm an toàn tại một số cơ sở y tế ở Hà Nội	4		Tạp chí Y học dự phòng			XX/8(16), tr. 113-119	2010
25.	Phân bố chấn thương nghề nghiệp theo ICD-10 ở công nhân cơ khí	4		Tạp chí Y học dự phòng			XX/8(16), tr. 92-99	2010
26.	Điều tra tổn thương nghề nghiệp do vật sắc nhọn tại một số cơ sở y tế ở Hà Nội	4		Tạp chí Y học dự phòng			XX/8(16), tr. 120-127	2010
27.	Kiến thức và thực hành về giám sát bệnh truyền nhiễm của cán bộ y tế tại trung tâm y tế dự phòng tuyến tỉnh, huyện	4		Tạp chí Y học dự phòng			XX/8(16), tr. 23-29	2010
28.	Nhu cầu khám chữa bệnh của người cao tuổi ở một số xã/phường	6		Tạp chí Y học dự phòng			XX/8(16), tr. 162-168	2010

	thuộc tỉnh Bình Dương, năm 2010							
29.	Điều kiện sống của người cao tuổi tại một số xã/phường của tỉnh Bình Dương, năm 2010	6		Tạp chí Y học dự phòng			XX/8(16), tr. 155-161	2010
30.	Thực trạng nhiễm sán lá gan nhỏ tại 2 xã Tà rụt và Tà Long, huyện Đăkrông, tỉnh Quảng trị, 2009	2		Tạp chí Y học dự phòng			XX/9(17), tr. 130-137	2010
31.	Đặc điểm dịch tễ học các trường hợp mắc tả tại Hải Phòng năm 2009	3		Tạp chí Y học dự phòng			XX/9(17), tr. 39-45	2010
32.	Tình hình dịch sốt Dengue/sốt xuất huyết Dengue và sự xuất hiện virus <i>Chikungunya</i> tại Hà Nội, Nghệ An và Hà Tĩnh, Việt Nam trong năm 2008	3		Tạp chí Y học dự phòng			XX/9(17), tr. 121-129	2010
33.	Tình hình tiêm chủng trẻ em dưới 1 tuổi tại huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk, 2005 – 2009	3		Tạp chí Y học dự phòng			XX/9(17), tr. 46-53	2010
34.	Tình hình sốt Dengue/sốt xuất huyết Dengue 8 tháng đầu năm 2010 tỉnh Phú Yên	3		Tạp chí Y học dự phòng			XX/9(17), tr. 46-53	2010
35.	Kiến thức thái độ thực hành về phòng chống Sốt xuất huyết của người dân tại xã Mỹ Lâm, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang	3		Tạp chí Y học dự phòng			XX/9(17), tr. 86-94	2010
36.	Đặc điểm dịch tễ học bệnh tả tại tỉnh Bến Tre năm 2010	3		Tạp chí Y học dự phòng			XX/9(17), tr. 113-120	2010
37.	Thực trạng mắc sốt rét và các yếu tố liên quan đến bệnh sốt rét của	3		Tạp chí Y học dự phòng			XX/9(17), tr. 60-66	2010

	người dân đi rừng ngủ rẫy tại huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận, năm 2010							
38.	Các yếu tố liên quan đến kiến thức, thái độ và hành vi đối với ung thư đại trực tràng của người dân thành phố Bến Tre năm 2010	3		Tạp chí Y học dự phòng			XX/9(17), tr. 75-85	2010
39.	Một số đặc điểm dịch tễ học vụ dịch tả tại xã Vĩnh Hồng huyện Bình Giang tỉnh Hải Dương 2010	4		Tạp chí Y học dự phòng			XX/9(17), tr. 30-38	2010
40.	Mối liên quan giữa khí hậu và bệnh cúm ở Đắk Lắk	4		Tạp chí Y học dự phòng			XX/9(17), tr. 24-29	2010
41.	Tình hình sốt Dengue/sốt xuất huyết Dengue 9 tháng đầu năm 2010 tại thành phố Buôn Ma Thuột – Đắk Lắk	4		Tạp chí Y học dự phòng			XX/9(17), tr. 149-158	2010
42.	HIV và hành vi nguy cơ cao ở nhóm đối tượng đồng tính nam có tiêm chích ma túy Hải Phòng, Việt Nam (2009).	4		Tạp chí Y học dự phòng			XX/9(17), tr. 180-188	2010
43.	Đặc điểm dịch tễ học các trường hợp tử vong liên quan đến cúm A (H1N1) tại Việt Nam, 2009 - 2010	5		Tạp chí Y học dự phòng			XX/9(17), tr. 14-23	2010
44.	Tình hình sốt xuất huyết tại phường Ea Tam, Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk tháng 8 năm 2010	5		Tạp chí Y học dự phòng			XX/9(17), tr. 167-172	2010
45.	Điều tra sàng lọc đái tháo đường ở người từ 30 đến 69 tuổi tại phường Nguyễn Văn Cừ của thành phố Quy	6		Tạp chí Y học dự phòng			XX/9(17), tr. 67-74	2010

	Nhon, tỉnh Bình Định, năm 2010.							
46.	Tính nhạy cảm của muỗi <i>Aedes aegypti</i> đối với các hóa chất diệt côn trùng tại 19 tỉnh thành phía nam Việt Nam, năm 2009-2010	7		Tạp chí Y học dự phòng			XX/9(17), tr. 95-105	2010
47.	Nghiên cứu lồng ghép giám sát hành vi và giám sát trọng điểm tại Thanh Hóa năm 2009	7		Tạp chí Y học dự phòng			XX/9(17), tr. 189-197	2010
48.	Đặc điểm dịch tễ học và lâm sàng của các trường hợp cúm A (H1N1) tại Ninh Hòa, Khánh Hòa từ tháng 8-11/2009	8		Tạp chí Y học dự phòng			XX/9(17), tr. 159-168	2010
49.	Phân tích đặc điểm dịch tễ học cúm A(H1N1) và biện pháp phòng chống tại một số tỉnh phía nam giai đoạn 5/2009-8/2009	11		Tạp chí Y học dự phòng			XX/9(17), tr. 138-148	2010
50.	Kiến thức, và thực hành về phòng chống bệnh dại của nhân dân huyện CHUPRONG, tỉnh Gia Lai	3		Tạp chí Y học dự phòng.			XX/9(17), 106-112	2010
51.	Kiến thức, thái độ và thực hành của bà mẹ về xử trí tiêu chảy cấp ở trẻ em dưới 5 tuổi tại tỉnh Sóc Trăng năm 2010.	3		Tạp chí Y học dự phòng.			XX/9(17), 46-53	2010
52.	Применение препарата Ферровир в комплексной терапии клещевого энцефалита	6		Terra Medica Nova/0868-7161			2(61), 22-29	2010
53.	Description of the first pandemic influenza A(H1N1) cases in Vietnam, June-July 2009	4		Outbreak, Surveillance and Investigation reports (OSIR)/2286-8933		2	3/1, 10-13	2010

54.	Xây dựng phần mềm giám sát bệnh truyền nhiễm tuyến xã tại Việt Nam	3	x	Tạp chí Y học thực hành			5(763), 82-85	2011
55.	Một số đặc điểm dịch tễ học bệnh sốt Dengue/sốt xuất huyết Dengue giai đoạn 2006-2010 tại Việt Nam	4	x	Tạp chí Y học Việt Nam/1859-1868			382/1, 1-5	2011
56.	Tử vong do sốt Dengue/Sốt xuất huyết Dengue tại Việt Nam	3		Tạp chí Nghiên cứu y học/0868-202X			73/2, 132-136	2011
57.	Kiến thức và thực hành phòng chống sốt xuất huyết Dengue tại hai phường Lý Thái Tổ và Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, năm 2009	4		Tạp chí Y học dự phòng			XXI/3(121), 187-196	2011
58.	Xác định ổ bọ gậy nguồn muỗi truyền bệnh sốt xuất huyết Dengue và một số yếu tố liên quan tại phường Lý Thái Tổ và Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, năm 2009	4		Tạp chí Y học dự phòng			XXI/3(121), 179-186	2011
59.	Đánh giá hiệu quả mô hình cải thiện điều kiện lao động tại một số cơ sở sản xuất cơ khí vừa và nhỏ	5		Tạp chí Y học dự phòng			XXI/3(121), 101-108	2011
60.	Tình trạng bệnh tật người cao tuổi tại một xã thuộc tỉnh Bình Dương, năm 2010	6		Tạp chí Y học dự phòng			XXI/3(121), 145-150	2011
61.	Hiệu quả cải thiện chất lượng số liệu giám sát cúm ở huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp năm 2010			Tạp chí Y học dự phòng			XXI/7(125), 184-193	2011

62.	Một số biện pháp cải thiện điều kiện lao động tại các cơ sở sản xuất cơ khí vừa và nhỏ ở tỉnh Nam Định	5		Tạp chí Y học dự phòng			XXI/7(125), 175-183	2011
63.	Hiệu quả mô hình quản lý khám chữa bệnh cho người cao tuổi tại xã Khánh Bình, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	7		Tạp chí Y học dự phòng			XXI/7(125), 48-55	2011
64.	Thực trạng điều kiện môi trường lao động nhà máy đóng tàu Phà Rừng năm 2009	3		Tạp chí Y học Quân sự			36/5, 65-71	2011
65.	Đánh giá một số biện pháp can thiệp tăng cường an toàn sinh học cho các phòng xét nghiệm vi sinh của trung tâm y tế dự phòng tuyến tỉnh	4		Tạp chí Y học thực hành			5(764), 158-160	2011
66.	Nhận thức, quan niệm và tính dễ bị tổn thương với HIV của phụ nữ nông thôn có chồng đi làm ăn xa: kết quả từ một nghiên cứu định tính tại Hưng Yên	4		Tạp chí Y học thực hành			6(767), 62-65	2011
67.	Đánh giá hiệu quả mô hình phòng chống chủ động vectơ sốt xuất huyết bằng rèm tấm hóa chất và sử dụng tác nhân sinh học Mesocyclops trong cộng đồng tại thực địa tỉnh Long An	9		Tạp chí Y học thực hành			6(767), 20-24	2011
68.	Thực trạng sức khỏe và cơ cấu bệnh tật của người lao động tại nhà máy đóng tàu Phà Rừng năm 2009	4		Tạp chí Y học Việt Nam			381/2, 44-47	2011

Sau khi được công nhận chức danh Phó giáo sư

69.	Thực trạng hoạt động can thiệp cộng đồng phòng, chống hội chứng viêm da dày sừng bàn tay, bàn chân năm 2012	14	x	Tạp chí Y học dự phòng			XXII/8(135), 132-139	2012
70.	Influenza vaccination guidelines and vaccine sales in Southeast Asia: 2008-2011	15		Plos one/1549-1277	SCI E, Pub Med (IF=3,73, Q1)	41	7/12, E52842	2012
71.	Epidemiological and clinical characteristics of patients who died from Influenza A(H1N1)pdm09 in Viet Nam	4		Western Pacific surveillance and response Journal	ESC I/Pu bme d/Q 2/0.55(2017)	3	FETP issue, 49-53	2012
72.	Acute Allergic Reaction in Vietnamese Children After Drinking a New Milk Product	5		Foodborne pathogens and disease/1556-7125	SCI E/Sc opus /Q1/ 2.0(2018)	23	9/2, 156-159	2012
73.	Đặc điểm lâm sàng các trường hợp tử vong do sốt xuất huyết dengue tại Việt Nam, 2008-2010	4		Tạp chí Nghiên cứu y học			79/2, Tr.281-290	2012
74.	Hiệu quả can thiệp nâng cao kiến thức, thái độ của nhân viên y tế trong việc vệ sinh bàn tay tại bệnh viện Đống Đa, Hà Nội (2010-2011)	5		Tạp chí Y dược học quân sự/ 1859 - 0748			37/5, 25-31	2012
75.	Đặc điểm dịch tễ học các trường hợp tử vong do Sốt xuất huyết Dengue tại Việt Nam, 2008-2010	4		Tạp chí Y học dự phòng			XXII/1(127), 122-131	2012

76.	Hiệu quả can thiệp tăng cường tuân thủ rửa tay của nhân viên y tế tại bệnh viện Đổng Đa-Hà Nội, 2010-2011	5		Tạp chí Y học dự phòng			XXII/3(130), 134-143	2012
77.	Nghiên cứu các trường hợp tử vong do sốt Dengue/sốt xuất huyết Dengue tại Việt Nam năm 2011	3		Tạp chí Y học dự phòng			XXII/7(134), 35-41	2012
78.	Yếu tố nguy cơ mắc hội chứng viêm da dày sừng bàn tay, bàn chân tại huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi, 2012	19		Tạp chí Y học dự phòng			XXII/8(135), 122-131	2012
79.	Phân tích đặc điểm bệnh sốt xuất huyết dengue giai đoạn 2009-2011 tại Việt Nam	5		Tạp chí Y học dự phòng			XXII/8(135), 106-113	2012
80.	Đánh giá thực trạng truyền thông nguy cơ trong phòng chống đại dịch cúm A(H1N1) năm 2009 tại Việt Nam	4		Tạp chí Y học thực hành			3(814), 3-7	2012
81.	Đặc điểm dịch tễ ở bệnh nhân uốn ván điều trị tại Bệnh viện Bệnh nhiệt đới Tp.Hồ Chí Minh	5		Y học Tp.Hồ Chí Minh/1859-1779			16/3, 327-331	2012
82.	Hiệu quả can thiệp cộng đồng phòng, chống hội chứng viêm da dày sừng bàn tay, bàn chân tại xã Ba Điền, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi năm 2012	12	x	Tạp chí Y học dự phòng			XXII I/2(137), 14-20	2013
83.	Một số đặc điểm dịch tễ các trường hợp tử vong do hội chứng viêm da dày sừng bàn tay bàn chân tại huyện Ba Tơ, Quảng Ngãi, 2011-2012	6	x	Tạp chí Y học dự phòng			XXII I/5(141), 10-18	2013

84.	Khuyến cáo chung về hoạt động thể lực	2	x	Tạp chí Y học thực hành			3(860), 2-5	2013
85.	A cluster of cholera among patients in a Vietnamese district hospital in 2010	5		Journal of Infection in Developing Countries/1972-2680	SCI E/Q 3/1. 88(2013)	1	12/7, 910-913	2013
86.	Ước tính số lượng bệnh nhân đồng nhiễm HIV và lao thể hoạt động tại tỉnh Sơn La năm 2012	7		Tạp chí Nghiên cứu y học			83/3(PT), 103-110	2013
87.	Quản lý bệnh nhân lao đồng nhiễm HIV tại bệnh viện Lao và bệnh phổi tỉnh Sơn La năm 2012	7		Tạp chí Nghiên cứu y học			83/3(PT), 125-131	2013
88.	Quản lý bệnh nhân nhiễm HIV đồng nhiễm lao tại 9 phòng khám ngoại trú tại tỉnh Sơn La năm 2012	8		Tạp chí Nghiên cứu y học			83/3, 179-186	2013
89.	Đặc điểm biểu hiện nghi ngờ mắc lao ở bệnh nhân nhiễm HIV đăng ký khám và điều trị tại các phòng khám ngoại trú tỉnh Sơn La năm 2012	8		Tạp chí Nghiên cứu y học			83/3(PT), 87-94	2013
90.	Thực trạng điều kiện vệ sinh lớp học của các trường phổ thông ở Việt Nam năm 2011	6		Tạp chí nghiên cứu y học			84/4, 111-116	2013
91.	Dịch tễ học và giám sát bệnh ung thư trên thế giới và ở Việt Nam	4		Tạp chí Y học dự phòng			XXII I/10(146), 308-313	2013
92.	Tiêm chích y tế tự nhân tại đồng bằng sông Cửu Long qua lăng kính của cán bộ y tế	7		Tạp chí Y học dự phòng			XXII I/10(146), 302-307	2013

93.	Chiều hướng duy trì điều trị ở người nhiễm HIV được điều trị thuốc kháng re-tro vi rút. Kết quả khảo sát 30 cơ sở điều trị ngoại trú tại khu vực phía Nam, 2009-2012	9		Tạp chí Y học dự phòng			XXII I/10(146), 161-166	2013
94.	Tỷ lệ hiện nhiễm HIV, giang mai và các hành vi nguy cơ liên quan ở đồng bào dân tộc Khmer và Hoa Nùng, Việt Nam	10		Tạp chí Y học dự phòng			XXII I/10(146), 213-218	2013
95.	Phân tích in-silico trên một số chủng vi rút Seoul lưu hành quần thể Rattus Norvegicus ở miền Nam Việt Nam, 2007-2009	12		Tạp chí Y học dự phòng			XXII I/10(146), 62-69	2013
96.	Đặc điểm dịch tễ học của dịch tay chân miệng tại khu vực phía Nam, năm 2010-2012	12		Tạp chí Y học dự phòng			XXII I/10(146), 172-180	2013
97.	Nghiên cứu tình hình đáp ứng miễn dịch đối với vắc xin viêm gan siêu vi B ở người đã tiêm đủ ba mũi vắc xin được theo dõi tại phòng khám Viện Pasteur Tp.Hồ Chí Minh	12		Tạp chí Y học dự phòng			XXII I/10(146), 261-264	2013
98.	Đặc điểm dịch tễ học hội chứng cúm qua hệ thống giám sát trọng điểm tại bệnh viện nhiệt đới Tp.Hồ Chí Minh giai đoạn 2006-2012	14		Tạp chí Y học dự phòng			XXII I/10(146), 219-225	2013
99.	Chất lượng cuộc sống người cao tuổi phường Đông Quốc Bình-Tp.Hải Phòng, năm 2013	4		Tạp chí Y học dự phòng			XXII I/5(141), 111-116	2013

100.	Các yếu tố về tinh thần-xã hội ảnh hưởng tới chất lượng cuộc sống người cao tuổi	4		Tạp chí Y học dự phòng			XXII I/5(141), 117-122	2013
101.	Ngộ độc thực phẩm trong các công nhân tại một bếp ăn tập thể thuộc tỉnh Bình Dương, năm 2012	5		Tạp chí Y học dự phòng			XXII I/5(141), 66-71	2013
102.	Thực trạng bệnh dại tại Quảng Ninh giai đoạn 1999-2011, những vấn đề tồn tại và các biện pháp can thiệp	6		Tạp chí Y học dự phòng			XXII I/5(141), 31-37	2013
103.	Một số đặc điểm dịch tễ học bệnh dại tại Hà Nội giai đoạn 2006-2011 và đánh giá một số yếu tố liên quan	6		Tạp chí Y học dự phòng			XXII I/5(141), 38-44	2013
104.	Thực trạng công tác phòng chống bệnh dại tại tỉnh Quảng Trị, 2010-2012	6		Tạp chí Y học dự phòng			XXII I/5(141), 45-52	2013
105.	Nghiên cứu yếu tố nguy cơ bệnh không lây nhiễm tại Cần Thơ, 2009-2010	6		Tạp chí Y học dự phòng			XXII I/5(141), 72-79	2013
106.	Đặc điểm dịch tễ học bệnh dại tại tỉnh Bình Thuận	8		Tạp chí Y học dự phòng			XXII I/5(141), 53-58	2013
107.	Thực trạng kiến thức, thực hành về phòng chống bệnh dại của học sinh và đánh giá hiệu quả sau khi triển khai truyền thông tại 2 trường trung học cơ sở tại huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, năm 2012	8		Tạp chí Y học dự phòng			XXII I/5(141), 59-65	2013

108.	Điều tra hồi cứu ổ dịch sốt xuất huyết Dengue tại phường 10, quận 6, Tp.Hồ Chí Minh, tháng 4/2012	9		Tạp chí Y học dự phòng			XXII I/5(141), 25-30	2013
109.	Điều tra tỷ lệ nhiễm <i>Streptococcus suis</i> trên sản phẩm thịt heo ở các cơ sở phân phối tại Tp.Hồ Chí Minh, năm 2012	14		Tạp chí Y học dự phòng			XXII I/5(141), 19-24	2013
110.	Dự báo nguy cơ đái tháo đường theo thang điểm Findrisc ở đồng bào người dân tộc Khmer tại tỉnh Hậu Giang	6		Tạp chí Y học dự phòng			XXII I/7(143), 82-87	2013
111.	Đặc điểm tăng Acid Uric huyết thanh ở người 31-60 tuổi tại 2 xã vùng nông thôn Thái Bình năm 2012	6		Tạp chí Y học dự phòng			XXII I/7(143), 98-104	2013
112.	Thực trạng môi trường lao động tại làng nghề tái chế nhôm xã Văn Môn-Yên Phong-Bắc Ninh, năm 2010	6		Tạp chí Y học dự phòng			XXII I/7(143), 129-134	2013
113.	Tỷ lệ hiện nhiễm HIV và hành vi nguy cơ lây nhiễm HIV trong nhóm nghiện chích ma túy tại Quảng Nam, năm 2013	7		Tạp chí Y học dự phòng			XXII I/7(143), 64-69	2013
114.	Đánh giá đáp ứng miễn dịch sau tiêm vắc xin sởi cho trẻ em 18 tháng tuổi tại huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình, năm 2012	8		Tạp chí Y học dự phòng			XXII I/7(143), 26-32	2013
115.	Các yếu tố liên quan đến xét nghiệm HIV trên nam giới Khơ-me và Hoa-nùng ở Việt Nam	6		Tạp chí y học thực hành			889+ 890, 106-110	2013
116.	Các yếu tố liên quan đến thái độ tích cực với người nhiễm HIV/AIDS	8		Tạp chí y học thực hành			889+ 890,	2013

	ở đồng bào dân tộc thiểu số khu vực phía Nam						376-381	
117.	Tỷ lệ tăng huyết áp ở người trưởng thành 30 tuổi trở lên tại nông thôn Thái Bình	4		Tạp chí Y học thực hành			900 (2013), 184-188	2013
118.	Đặc điểm dịch tễ vụ dịch sởi tại khu vực phía Nam Việt Nam, 2013-2014	12	x	Tạp chí Y học dự phòng			XXI V/3(152), 20-27	2014
119.	Phân tích yếu tố liên quan đến kiến thức, thực hành phòng chống bệnh tay chân miệng của người chăm sóc chính cho trẻ dưới 5 tuổi tại xã Lê Chi, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, 2013	4	x	Tạp chí Y học dự phòng			XXI V/5(154), 52-58	2014
120.	Kiến thức, thực hành phòng, chống bệnh tay chân miệng của người chăm sóc chính cho trẻ dưới 5 tuổi tại xã Lê Chi, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội, 2013	5	x	Tạp chí Y học Việt Nam			419/1, 114-118	2014
121.	Applying Standard Epidemiological Methods for Investigating Foodborne Disease Outbreak in Resource-Poor Settings: Lessons from Vietnam	6		Journal of food protection/03 62-028X	SCI E/Q 2/1, 849 (2014)	5	77/7, 1229-1231	2014
122.	Strengthening Global Health Security Capacity-Vietnam Demonstration Project, 2013	27		Morbidity and Mortality Weekly Report (MMWR)/01 49-2195	SCI E/P ubmed/ Q1	11	63/4, 77-80	2014
123.	Epidemiological and clinical characteristics of children who died from hand, food and	9		BMC infectious diseases/1471 -2334	SCI E/Q 1/	99	14/34 1	2014

	mouth disease in vietnam 2011				3.33 (2014)			
124.	Hiệu quả một số biện pháp can thiệp cộng đồng phòng, chống đái tháo đường ở người Khmer từ 45 tuổi trở lên tại tỉnh Hậu Giang 2012-2013	5		Tạp chí Y học dự phòng			XXI V/1(149), 96-102	2014
125.	Một số đặc điểm dịch tễ học bệnh cúm A/H5N1 ở người tại Việt Nam, 2003-2014	10		Tạp chí Y học dự phòng			XXI V/10 (159), 17-23	2014
126.	Kiến thức, hành vi về phòng, chống HIV/AIDS của người nghiện chích ma túy tại tỉnh Quảng Nam năm 2011	8		Tạp chí Y học dự phòng			XXI V/4(153), 97-102	2014
127.	Hiệu quả can thiệp dự phòng lây nhiễm HIV trong nhóm nghiện chích ma túy tại tỉnh Quảng Nam	8		Tạp chí Y học dự phòng			XXI V/4(153), 103-107	2014
128.	Thực trạng cơ sở vật chất, trang thiết bị hỗ trợ an toàn sinh học và an ninh sinh học phòng xét nghiệm thuộc trung tâm hệ y tế dự phòng tuyến tỉnh 2012	3		Tạp chí Y học dự phòng			XXI V/8(157), 143-151	2014
129.	Thực trạng nhân lực phòng xét nghiệm của trung tâm y tế dự phòng tuyến tỉnh, 2012	3		Tạp chí Y học dự phòng			XXI V/8(157), 152-158	2014
130.	Đánh giá hiệu quả can thiệp thay đổi khẩu phần cho người tăng acid uric huyết thanh tại cộng đồng	4		Tạp chí Y học dự phòng			XXI V/8(157), 45-51	2014

131.	Đặc điểm dịch tễ học bệnh sỏi tại khu vực phía Bắc giai đoạn 2008-2012	4		Tạp chí Y học dự phòng			XXI V/8(157), 159-165	2014
132.	Một số yếu tố liên quan đến tăng acid uric huyết thanh ở người trưởng thành nông thôn Thái Bình	5		Tạp chí Y học dự phòng			XXI V/8(157), 37-44	2014
133.	Thực trạng tư vấn chăm sóc và hỗ trợ người nhiễm HIV/AIDS tại cộng đồng tỉnh Nghệ An năm 2012	6		Tạp chí Y học dự phòng			XXI V/8(157), 79-85	2014
134.	Hiệu quả hoạt động tư vấn, chăm sóc hỗ trợ người nhiễm HIV/AIDS tại cộng đồng tỉnh Nghệ An sau 4 năm can thiệp (2008-2012)	6		Tạp chí Y học dự phòng			XXI V/8(157), 86-92	2014
135.	Nghiên cứu đáp ứng sinh hóa, virus và độ đàn hồi gan ở bệnh nhân viêm gan virus B mạn sau 12 tháng điều trị entecavir	6		Tạp chí Y học thực hành			945 (2014), 165-170	2014
136.	Kiến thức, thái độ và tỷ lệ rửa tay của nhân viên y tế tại Bệnh viện Đổng Đa, Hà Nội trước và sau khi triển khai can thiệp nhằm tăng cường vệ sinh bàn tay năm 2010-2011	4		Tạp chí Y học Việt Nam			420/2, 117-120	2014
137.	Đặc điểm tăng Acid Uric huyết thanh ở người trưởng thành nông thôn Thái Bình năm 2012	5		Tạp chí Y học Việt Nam			420/2, 97-101	2014
138.	Đánh giá hiệu quả tư vấn dinh dưỡng cho người	4		Tạp chí Y học Việt Nam			421/1, 101-105	2014

	tăng Acid Uric huyết thanh tại cộng đồng							
139.	Evaluation of three commercial Dengue NS1 antigen test kits for the Dengue surveillance system of Vietnam	8		Vietnam Journal of Preventive Medicine			1e/1, 21-28	2014
140.	Tình hình viêm phổi nặng do cúm tại Việt Nam giai đoạn 2006-2015	14		Tạp chí Y học dự phòng			XXV /8(168), 31-38	2015
141.	Đặc điểm dịch tễ học bệnh cúm mùa tại Việt Nam giai đoạn 2006-2013	19		Tạp chí Y học dự phòng			XXV /3(163), 37-44	2015
142.	HIV và những hành vi nguy cơ ở nhóm đồng tính nam có tiêm chích ma túy ở Hải Phòng, 2009	4		Tạp chí Y học dự phòng			XXV /10 (170), 133-139	2015
143.	Dùng bao cao su với phụ nữ mại dâm ở nam tiêm chích ma túy nhiễm HIV 5 tỉnh khu vực phía Nam	7		Tạp chí Y học dự phòng			XXV /10 (170), 30-36	2015
144.	Hiện nhiễm HIV, hành vi nguy cơ và tiếp cận chương trình ở các quần thể nguy cơ tại khu vực phía Nam, 2010-2014	7		Tạp chí Y học dự phòng			XXV /10 (170), 140-149	2015
145.	Tình hình tử vong, bỏ trị và duy trì điều trị ở bệnh nhân AIDS điều trị thuốc ARV tại khu vực phía Nam, 2010-2013	7		Tạp chí Y học dự phòng			XXV /10 (170), 388-394	2015
146.	Thực trạng triển khai hoạt động phòng, chống bệnh không lây nhiễm của các trạm y tế xã năm 2014	14		Tạp chí Y học dự phòng			XXV /12+13 (172+173), 179-187	2015

147.	Đánh giá hoạt động giám sát liệt mềm cấp/bại liệt ở Việt Nam, 2010-2014	12		Tạp chí Y học dự phòng			XXV /9 (169), 30-39	2015
148.	Thực trạng triển khai hoạt động phòng, chống bệnh không lây nhiễm tại các Trung tâm y tế dự phòng tuyến tỉnh/thành phố tại Việt Nam năm 2014	17		Tạp chí Y học dự phòng			XXV /9 (169), 52-60	2015
149.	Hiệu quả can thiệp nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị để bảo đảm an toàn sinh học tại phòng xét nghiệm của trung tâm y tế dự phòng tuyến tỉnh	3		Tạp chí Y học dự phòng			XXV /4 (164), 133-142	2015
150.	Đánh giá và đề xuất cải tiến hoạt động khoa khám bệnh ở bệnh viện Quân Y 7A	4		Tạp chí Y học dự phòng			XXV /5 (165), 372-377	2015
151.	Đặc điểm dịch tễ học bệnh liên cầu lợn ở người tại khu vực phía Nam, 2013	6		Tạp chí Y học dự phòng			XXV /5 (165), 96-102	2015
152.	Mạng lưới điểm tiêm và nhân sự tham gia dự án khống chế và loại trừ bệnh dại khu vực phía Nam năm 2014	6		Tạp chí Y học dự phòng			XXV /5 (165), 334-340	2015
153.	Thực trạng quản lý nguồn nhân lực bệnh viện Nhân dân Gia Định	6		Tạp chí Y học dự phòng			XXV /5 (165), 378-383	2015
154.	Thực trạng số liệu giám sát tuần dịch bệnh sốt xuất huyết Dengue tại khu vực phía Nam, 2005-2014	7		Tạp chí Y học dự phòng			XXV /5 (165), 26-31	2015

155.	Chiều hướng hiện nhiễm HIV, kiến thức và hành vi ở phụ nữ mại dâm 5 tỉnh Tây Nam bộ, 2006-2013	7		Tạp chí Y học dự phòng			XXV /5 (165), 223-228	2015
156.	Đánh giá hiệu lực của chất điều hòa tăng trưởng côn trùng Pyriproxyfen trên lăng quăng <i>Aedes aegypti</i> tại thực địa hẹp 2013	8		Tạp chí Y học dự phòng			XXV /5 (165), 85-89	2015
157.	Sử dụng dịch vụ chẩn đoán và điều trị sớm nhiễm khuẩn lây qua đường tình dục ở phụ nữ mại dâm khu vực phía Nam Việt Nam	8		Tạp chí Y học dự phòng			XXV /5 (165), 246-252	2015
158.	Các yếu tố liên quan đến tiền sử từng xét nghiệm HIV ở 2.500 phụ nữ mại dâm tại khu vực phía Nam 2010	9		Tạp chí Y học dự phòng			XXV /5 (165), 216-222	2015
159.	Đặc điểm dịch tễ vụ dịch tiêu chảy tại huyện Bình Chánh, Tp.Hồ Chí Minh, 2014	10		Tạp chí Y học dự phòng			XXV /5 (165), 457-463	2015
160.	Đặc điểm dịch tễ học và lâm sàng các trường hợp bệnh ho gà tại khu vực phía Nam	11		Tạp chí Y học dự phòng			XXV /5 (165), 328-333	2015
161.	Đặc điểm dịch tễ và lâm sàng ở trẻ mắc viêm não Nhật Bản tại khu vực phía Nam	12		Tạp chí Y học dự phòng			XXV /5 (165), 320-327	2015
162.	Giám sát vi rút học bệnh sốt xuất huyết dengue trong Chương trình mục tiêu quốc gia phòng chống sốt xuất huyết Dengue tại khu vực phía	13		Tạp chí Y học dự phòng			XXV /5 (165), 42-46	2015

	Nam Việt Nam trong giai đoạn 2005-2014							
163.	Kết quả giám sát vi rút-huyết thanh học bệnh sốt xuất huyết dengue tại 16 huyện trọng điểm khu vực phía Nam 07/2012-12/2014	19		Tạp chí Y học dự phòng			XXV /5 (165), 54-61	2015
164.	Diễn tiến và đặc điểm dịch tễ bệnh sốt xuất huyết dengue tại khu vực phía Nam, 1975-2014	21		Tạp chí Y học dự phòng			XXV /5 (165), 18-25	2015
165.	Thực trạng kiến thức và hành vi nguy cơ đối với bệnh không lây nhiễm ở nhóm tuổi trung niên (40-59) tại huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa, năm 2013	5		Tạp chí Y học dự phòng			XXV /8 (168), 371-380	2015
166.	Tình trạng hiện mắc bệnh tăng huyết áp, đái tháo đường và nhu cầu chăm sóc sức khỏe ở nhóm tuổi trung niên (40-59) tại huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa, năm 2013	5		Tạp chí Y học dự phòng			XXV /8 (168), 381-390	2015
167.	Kiến thức về bệnh đái tháo đường và một số yếu tố liên quan của người bệnh tại các cơ sở y tế tư nhân, tỉnh Bình Dương	6		Tạp chí Y học dự phòng			XXV /8 (168), 326-332	2015
168.	Thực trạng triển khai hoạt động phòng chống bệnh không lây nhiễm tại các tỉnh, thành phố năm 2014	14		Tạp chí Y học dự phòng			XXV /8 (168), 475-484	2015
169.	Nhiễm trùng đường hô hấp cấp tính nặng do cúm tại Việt Nam 2011-2015	17		Tạp chí Y học dự phòng			XXV /8 (168), 54-63	2015

170.	Clinical testing of an inactivated influenza A/H5N1 vaccine candidate in a double-blinded, placebo-controlled, randomized trial in healthy adults in Vietnam	9	x	Vaccine/0264-410X	SCI E (3.61 (2016), Q1)	7	34,5449-5456	2016
171.	Synchrony of Dengue incidence in Ho Chi Minh city and Bangkok	13		PLOS Neglected Tropical Diseases/1935-2727	SCI E (4.31 (2016), Q1)	10	10(12):e005188	2016
172.	Sociodemographic factors, sexual behaviors, and alcohol and recreational drug use associated with HIV among men who have sex with men in southern vietnam	7		AIDS and Behavior/1090-7165	SSCI (2,31 (2016), Q1)	15	20/10,2357-2371	2016
173.	Clinical and laboratory characteristics of chronic hepatitis C in Vietnam on the example of Ho Chi Minh city hepatology clinic	6		Journal infectology		1	8/4, 72-78	2016
174.	Tình hình sử dụng dịch vụ y tế ở các cơ sở y tế tư nhân tỉnh Bình Dương năm 2014	4		Tạp chí Y học dự phòng			XXV I/13 (186), 153-158	2016
175.	Sự hài lòng của người bệnh mạn tính điều trị ngoại trú tại phòng khám bác sỹ gia đình thuộc phòng khám đa khoa Nam Anh, tỉnh Bình Dương, 2015-2016	4		Tạp chí Y học dự phòng			XXV I/13 (186), 159-166	2016
176.	Đánh giá vi sinh dụng cụ, môi trường làm việc và đánh giá chất lượng tiệt khuẩn dụng cụ tại	5		Tạp chí Y học dự phòng			XXV I/13 (186), 87-94	2016

	các cơ sở răng hàm mặt công lập tuyến quận huyện thành phố Hồ Chí Minh							
177.	Thực trạng về thực hành kiểm soát nhiễm khuẩn tại các cơ sở răng hàm mặt công lập tuyến quận-huyện của thành phố Hồ Chí Minh	5		Tạp chí Y học dự phòng			XXV I/13 (186), 95-102	2016
178.	Kiến thức, thái độ, thực hành của cán bộ y tế về giám sát viêm gan vi rút B, viêm gan vi rút C tại tỉnh Thái Bình năm 2015	9		Tạp chí Y học dự phòng			XXV I/13 (186), 60-68	2016
179.	Thực trạng kiến thức và một số yếu tố liên quan đến tình trạng tăng huyết áp ở nhóm tuổi trung niên (40-59) tại huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa, năm 2013	4		Tạp chí Y học dự phòng			XXV I/4 (177), 30-38	2016
180.	Fetal zika virus infection in Vietnam	10	x	Plos currents outbreaks/2157-3999	SSC I (IF=2,71)/SCOPUS (Q1) / Pub Med	6	PLoS Curr. 2017 Sep 5;9 DOI: 10.1371/currents.outbreaks.1c8f631e0ef8cd777d639eba48647fa	2017
181.	Cholera returns to southern Vietnam in an outbreak associated with consuming unsafe water	9		PLOS Neglected Tropical	SCIE/ Pubmed (4.615	7		2017

	through iced tea: A matched case-control study			Diseases/1549-1277	(2017), Q1)			
182.	Evolution and spatio-temporal dynamics of Enterovirus A71 subgenogroups in Vietnam	13		The Journal of Infectious Diseases/0022-1899	SCIE/ Pubmed (5.186 (2017), Q1)	13	216/11, 1371 – 1379	2017
183.	Clinnical characteristics of hand, foot and mouth disease in Daklak province, Vietnam and associated factors of severe cases	7		Virus diseases/23473584	Pub med (0.96 (2017), Q3)	6	DOI 10.1007/s13337-017-0402-8	2017
184.	Evaluation of effectiveness of antiviral therapy for chronic hepatitis C, caused by HCV genotype 6	6		Journal infectology			9/1, 85-90	2017
185.	Đặc điểm dịch tễ học các ca đại tử vong tại khu vực phía Nam Việt Nam năm 2012-2016	5		Tạp chí Y học dự phòng			27/11, 197-206	2017
186.	Chiều hướng sử dụng ma túy tổng hợp (MTTH-ATS) ở nam quan hệ tình dục đồng giới (MSM) qua giám sát trọng điểm lồng ghép hành vi ở khu vực phía Nam Việt Nam, 2014-2016	5		Tạp chí Y học dự phòng			27/11, 243-250	2017
187.	Khảo sát phân bố muỗi Aedes nhà cao tầng ổ dịch Zika tại Bình Dương 2016	6		Tạp chí Y học dự phòng			27/11, 70-74	2017
188.	Đặc điểm dịch tễ bệnh tay chân miệng tại khu vực phía Nam, giai đoạn 2013-2016	6		Tạp chí Y học dự phòng			27/11, 129-134	2017

189.	Tiêm chích ma túy và các yếu tố liên quan ở phụ nữ mại dâm tại khu vực phía Nam Việt Nam, 2016	6		Tạp chí Y học dự phòng			27/11, 219-225	2017
190.	Tình hình dùng chung bơm kim tiêm ở người nghiện chích ma túy tại khu vực phía Nam, 2014-2016	6		Tạp chí Y học dự phòng			27/11, 251-258	2017
191.	Tổng quan các bệnh truyền nhiễm mới nổi	7		Tạp chí Y học dự phòng			27/11, 19-26	2017
192.	Tỷ lệ nhiễm vi rút Dengue và Zika trên muỗi <i>Aedes Aegypti</i> ở khu vực phía Nam Việt Nam	7		Tạp chí Y học dự phòng			27/11, 75-80	2017
193.	Nghiên cứu mô tả về đặc điểm các trường hợp sự cố bất lợi nghiêm trọng sau tiêm chủng tại khu vực phía Nam, 2010-2016	7		Tạp chí Y học dự phòng			27/11, 315-322	2017
194.	Tổng quan tài liệu tình hình nhiễm giang mai ở các quần thể nguy cơ tại Việt Nam	8		Tạp chí Y học dự phòng			27/11, 226-235	2017
195.	Tình hình tuân thủ quy trình chuẩn giám sát trọng điểm HIV lồng ghép hành vi tại khu vực phía Nam, 2014-2016	8		Tạp chí Y học dự phòng			27/11, 213-218	2017
196.	Truyền thông tiêm chủng: sự lan truyền thông tin trên internet tại Việt Nam 2015-2016	8		Tạp chí Y học dự phòng			27/11, 329-334	2017
197.	Đặc điểm dịch tễ và xét nghiệm bệnh tay chân miệng trong hộ gia đình tại Đồng Tháp, Việt Nam năm 2014	9		Tạp chí Y học dự phòng			27/11, 120-128	2017

198.	Đặc điểm các trường hợp nhập viện trong một nghiên cứu thử nghiệm lâm sàng vắc xin phế cầu trên trẻ nhũ nhi tại thành phố Hồ Chí Minh	9		Tạp chí Y học dự phòng			27/11, 289-293	2017
199.	Phản ứng tâm lý dây chuyền trong chiến dịch Sởi-Rubella, 2014-2015	9		Tạp chí Y học dự phòng			27/11, 335-342	2017
200.	Dịch tễ học và lâm sàng bệnh ho gà trong hệ thống giám sát tiêm chủng mở rộng tại khu vực phía Nam, 2015-2017	10		Tạp chí Y học dự phòng			27/11, 308-314	2017
201.	Phát hiện kháng thể kháng vi rút Zika trong huyết thanh người lành bằng kỹ thuật trung hòa giảm đám hoại tử	15		Tạp chí Y học dự phòng			27/11, 52-56	2017
202.	Kiến thức và thực hành tiêm vắc xin HPV phòng ngừa ung thư cổ tử cung của phụ nữ 15-49 tuổi tại Bình Định năm 2017	6		Tạp chí Y học dự phòng			27/8, 246-254	2017
203.	Một số yếu tố liên quan đến kiến thức về ung thư cổ tử cung và các biện pháp phòng ngừa của phụ nữ 15-49 tuổi của Bình Định, năm 2017	6		Tạp chí Y học dự phòng			27/9, 162-170	2017
204.	Hiệu quả can thiệp về kiến thức và thực hành kiểm soát nhiễm khuẩn của nhân viên y tế tại các cơ sở răng hàm mặt công lập tuyến quận, huyện của Tp.Hồ Chí Minh	8		Tạp chí Y học dự phòng			27/9, 130-138	2017
205.	Hiệu quả một số biện pháp can thiệp nâng cao chất lượng giám sát viêm gan vi rút B, C tại Thái Bình năm 2016	10		Tạp chí Y học dự phòng			27/9, 73-81	2017

206.	Sự hài lòng của người bệnh về thực hành kiểm soát nhiễm khuẩn tại cơ sở Răng Hàm Mặt công lập tuyến quận/huyện Thành phố Hồ Chí Minh	4					453/S ố chuyên đề, 41-48	2017	
207.	Kiến thức về kiểm soát nhiễm khuẩn của nhân viên y tế tại cơ sở Răng Hàm Mặt công lập tuyến quận huyện Thành phố Hồ Chí Minh	4					453/S ố chuyên đề, 92- 100	2017	
208.	Một số đặc điểm thực trạng công tác giám sát viêm gan vi rút B, viêm gan vi rút C tại Tỉnh Thái Bình, năm 2015	5					453/S ố chuyên đề, 128- 137	2017	
209.	Hiệu quả của hóa chất Pyriproxyfen ngăn sự phát triển của muỗi <i>Aedes</i> truyền bệnh sốt xuất huyết trong hệ thống hồ ga thoát nước ở thành phố Vũng Tàu	8	x				28/8, 92- 100	2018	
210.	Expanding severe acute respiratory infection (SARI) surveillance beyond influenza: the process and data from 1 year of implementation in Vietnam	27					4	DOI: 10.11 11/irv .1257 1, 1- 11	2018
211.	Cholera prevention and control in Asian countries	34					5	12/13 , doi: 10.11 86/s1 2919- 018- 0158- 1	2018
212.	Factors Associated with Receiving Late HIV Testing Among Women Delivering at Hung	8					5	22(2), 629- 636	2018

	Vuong Hospital, Ho Chi Minh City, Vietnam, 2014				6 (2017), Q1)		doi: 10.1007/s10461-017-1692-y	
213.	Đánh giá hiệu quả can thiệp nâng cao kiến thức và thực hành phòng ung thư cổ tử cung của phụ nữ 15-49 tuổi tại xã Canh Hòa, tỉnh Bình Định	7			Tạp chí Y học dự phòng		28/11, 143-156	2018
214.	Thực trạng kiến thức, thực hành về dự phòng, phát hiện sớm ung thư cổ tử cung của phụ nữ 15-49 tuổi tại tỉnh Bình Định, 2017	7			Tạp chí Y học dự phòng		28/11, 173-181	2018
215.	A phase 2/3 double-blind, randomized, placebo-controlled study to evaluate the safety and immunogenicity of a seasonal trivalent inactivated split-virion influenza vaccine (IVACFLU-S) in healthy adults in Vietnam	13	x		Human Vaccines & Immunotherapeutics/2164-5515	SCIE (2.592 (2019), Scopus (Q1)	https://doi.org/10.1080/21645515.2019.1613127	2019
216.	Findings and lessons from establishing Zika virus surveillance in southern Viet Nam, 2016	14	x		Western Pacific surveillance and response journal (WPSAR)/2019-7313	ESC I/Scopus (1,44 (2018), Q2)	doi.org/10.1053/wpsar.2018.92.014	2019
217.	Fatal avian influenza A(H5N1) infection in a 36-week pregnant	8			Influenza and Other Respiratory	SCIE (3.0	1 2019/1-6, DOI:	2019

	woman survived by her newborn in Soc Trang province, Vietnam, 2012			Viruses/1750-2659	60, (2018), Q1)		10.1111/irv.12614	
218.	Transmission and serotype features of hand foot mouth disease in household contacts in Dong Thap, Vietnam	8		BMC Infectious Diseases/1471-2334	SCI E (2.58 (2019), Q1)		19:933, https://doi.org/10.1186/s12879-019-4583-1	2019
219.	Gap in measles vaccination coverage among children aged 9 months to 10 years in Ho Chi Minh City, Viet Nam, 2014	7		Western pacific surveillance and response journal (WPSAR)	ESC I/Scopus (1.44 (2018), Q2)		10/4, 1-7	2019
220.	Knowledge and screening practices of cervical cancer among women aged 15 to 49 at Canh Hoa and Vinh Kim mountainous communes in Binh Dinh province	6		Journal of clinical medicine			3, 20-31	2019
221.	The current situation of practice on cervical cancer prevention: a review	7		Vietnam journal of preventive medicine			29/4, 20-26	2019
222.	Điều tra vụ dịch nhiễm trùng đường ruột tại Bến Tre, Việt Nam, 2017	7		Tạp chí Y học dự phòng			29/11, 164-170	2019
223.	Tổn thương thận và các yếu tố liên quan trên bệnh nhân HIV/AIDS điều trị ARV bằng phác đồ sử dụng Tenofovir	8		Tạp chí Y học dự phòng			29/11, 191-204	2019

	Disoproxil Fumarate tại Sóc Trăng, năm 2018							
224.	Xu hướng và một số yếu tố liên quan đến nhiễm HIV ở phụ nữ mại dâm qua giám sát trọng điểm tại khu vực phía Nam, 2012-2018	8		Tạp chí Y học dự phòng			29/11, 245-253	2019
225.	Kết quả lượng giá chỉ tiêu thứ 3 thuộc mục tiêu 90-90-90, chương trình phòng chống HIV/AIDS của khu vực phía Nam, 2016-2018	8		Tạp chí Y học dự phòng			29/11, 329-336	2019
226.	Giám sát tích cực trường hợp chỉ điểm: giải pháp phát hiện sớm và phòng tránh lây lan sởi trong cộng đồng	9		Tạp chí Y học dự phòng			29/11, 123-130	2019
227.	Mô tả đa dạng di truyền vi khuẩn <i>Bartonella</i> bằng kỹ thuật Multilocus Sequence Typing	10		Tạp chí Y học dự phòng			29/11, 28-39	2019
228.	Sự lưu hành Bartonella trên quần thể động vật gặm nhấm ở hai tỉnh biên giới Việt Nam	10		Tạp chí Y học dự phòng			29/11, 94-101	2019
229.	Theo dõi tình hình dịch HIV ở người nghiện chích ma túy tại khu vực phía Nam qua xét nghiệm tải lượng vi rút	10		Tạp chí Y học dự phòng			29/11, 298-305	2019
230.	Thu nhận vi rút Dengue từ dịch nuôi cấy tế bào C6/36 để sử dụng cho xét nghiệm MAC-ELISA chẩn đoán sốt xuất huyết dengue	13		Tạp chí Y học dự phòng			29/11, 102-114	2019
231.	Thực trạng và mối liên quan giữa kiến thức toàn diện về ung thư cổ tử cung và tiếp cận với truyền thông của phụ nữ	9		Tạp chí Y học dự phòng			29/13, 119-124	2019

	(15-49) tại tỉnh Bình Định năm 2017							
232.	Thực trạng và một số yếu tố liên quan đến nhiễm vi rút viêm gan B ở người trưởng thành tại khu vực Tây Nguyên năm 2018	6		Tạp chí Y học dự phòng			29/13, 34-44	2019
233.	Thực trạng kiến thức phòng ngừa HPV của phụ nữ 15-49 tại tỉnh Bình Định và một số yếu tố liên quan, năm 2017	9		Tạp chí Y học dự phòng			29/13, 125-130	2019
234.	Importation and Human-to-Human Transmission of a Novel Coronavirus in Vietnam	10	x	The New England Journal of Medicine/0028-4793	SCI E (70, 67 (2019), Q1))	484	Doi:10.1056/NEJM2001272	2020
235.	Clinical features, isolation, and complete genome sequence of severe acute respiratory syndrome coronavirus 2 from the first two patients in Vietnam	21	x	Journal of medical virology/0146-6615	SCIE/Scopus/ PubMed (2.34 (2019), Q2)		DOI: 10.1002/jmv.26075,	2020
236.	Development and validation of a tool to measure job satisfaction among preventive medicine workers in northern Vietnam	4		International Journal of Healthcare Management/20479700	ESC I/Scopus/ PubMed (1.69 (2018), Q3)		1-10 https://doi.org/10.1080/20479700.2020.1760585	2020
237.	Đặc điểm tai nạn bỏng ở trẻ dưới 6 tuổi điều trị tại Khoa ngoại chấn thương bỏng của Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định, 2019	4		Tạp chí Y học Việt Nam			489/4 (2), 85-90	2020

238.	Kiến thức sơ cứu bỏng và nhu cầu được cung cấp thông tin của người chăm sóc trẻ dưới 6 tuổi điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định năm 2019	4		Tạp chí Y học Việt Nam			489/4 (2), 45-51	2020
239.	Thực hành sơ cứu bỏng và một số yếu tố liên quan đến người chăm sóc trẻ dưới 6 tuổi điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định năm 2019	4		Tạp chí Y học Việt Nam			489/4 (2), 140-145	2020
240.	Đánh giá chứng dương, môi và mẫu dò cho chẩn đoán vi rút gây hội chứng viêm đường hô hấp cấp (SARS-COV-2)	3		Y học cộng đồng			số 3 (56), tr. 3-7	2020

- Trong đó, số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 06 bài báo:

1. Bài số 234: Importation and Human-to-Human Transmission of a Novel Coronavirus in Vietnam – đăng tại The New England Journal of Medicine năm 2020.
Doi:10.1056/NEJMc2001272
IF=70,67. CI: 484
2. Bài số 170: Clinical testing of an inactivated influenza A/H5N1 vaccine candidate in a double-blinded, placebo-controlled, randomized trial in healthy adults in Vietnam – đăng tại báo Vaccine số 34 năm 2016, tr. 5449-5460
SCIE- IF=3.61 (2016), Scopus (Q1)
3. Bài số 215: A phase 2/3 double-blind, randomized, placebo-controlled study to evaluate the safety and immunogenicity of a seasonal trivalent inactivated split-virion influenza vaccine (IVACFLU-S) in healthy adults in Vietnam – đăng tại Human Vaccines & Immunotherapeutics năm 2019, DOI: 10.1080/21645515.2019.1613127, SCIE IF=2.592 (2019), Scopus (Q1)
4. Bài số 235: Clinical features, isolation, and complete genome sequence of severe acute respiratory syndrome coronavirus 2 from the first two patients in Vietnam – đăng tại Journal of medical virology năm 2020. DOI: 10.1002/jmv.26075
ISI (IF=2)/SCOPUS (Q2)/PUBMED

5. Bài số 216: Findings and lessons from establishing Zika virus surveillance in southern Viet Nam, 2016 – đăng tại WPSAR năm 2019. DOI: 10/2, 10.5365/wpsar.2018.9.2.014
ESCI-IF=1,44 (2018)/Scopus (Q2)
6. Bài số 180: Fetal zika virus infection in Vietnam – đăng tại Plos currents outbreaks, số 5/9 tháng 9 năm 2017. DOI: 10.1371/currents.outbreaks.1c8f631e0ef8cd7777d639eba48647fa
SSCI (IF=2,71)/SCOPUS (Q1)/ PubMed

Lưu ý: Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với UV chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với UV chức danh GS.

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó, các số TT của bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế:

TT	Tên giải thưởng	Cơ quan/tổ chức ra quyết định	Số quyết định và ngày, tháng, năm	Số tác giả
1				
2				
...				

- Trong đó, các số TT giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

7.4. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó, các số TT tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

- Chủ trì xây dựng đề án và chương trình đào tạo trình độ tiến sỹ Dịch tễ học, mã số 62.72.01.17 của Viện Pasteur TP Hồ Chí Minh.

- Chủ trì, tham gia xây dựng đề án và chương trình đào tạo Dịch tễ học thực địa tại Việt Nam giai đoạn 2010-2013

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

Năm học 2014-2015/20 giờ

Năm học 2015-2016/7,5 giờ

Năm học 2016-2017/37,5 giờ

Năm học 2017-2018/37,5 giờ

Năm học 2018-2019/7,5 giờ

Năm học 2019-2020/55,5 giờ

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

Năm học 2019-2020/23,9giờ

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

(*) Các công trình khoa học thay thế không được tính vào tổng điểm.


C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 6 năm 2020

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)


Phan Tray Tân